

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 Năm học 2024 - 2025
Môn thi: Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2

MMH:(GENG4002)

Ngày thi: 09/03/2025

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
1	2154030002	Lê Minh	An	7.0	6.5	8.0	5.5	7	Đạt	
2	2153013002	Lê Thái	An							Vắng thi
3	1854060002	Nguyễn Ngọc Khánh	An	4.0	4.5	6.5	6.0	5.5	Không đạt	
4	2154063001	Trần Thúy	An	5.5	5.5	6.0	7.5	6	Đạt	
5	2154010009	Văn Thị Khánh	An	4.5	3.0	3.5	3.5	3.5	Không đạt	
6	2154043003	Đinh Hoàng Thảo	Anh	4.5	7.0	7.0	6.5	6.5	Đạt	
7	2154010023	Hồ Thị Kim	Anh	5.0	7.0	5.5	6.5	6	Đạt	
8	1954062009	Huỳnh Thị Kiều	Anh	1.5	7.0	4.5	4.5	4.5	Không đạt	
9	1754040004	Lâm Quỳnh	Anh	4.0	6.0	4.5	7.0	5.5	Không đạt	
10	1954040005	Lâm Thị Tuyết	Anh	2.5	2.5	4.0	1.0	2.5	Không đạt	
11	2054012012	Lê Thị Hồng	Anh	4.0	6.0	3.5	5.5	5	Không đạt	
12	2054012013	Ngô Thị Vân	Anh	4.0	7.5	5.0	6.5	6	Đạt	
13	1954010012	Nguyễn Đỗ Lan	Anh							Vắng thi
14	2154063003	Nguyễn Đỗ Quốc	Anh	6.0	6.5	8.5	7.0	7	Đạt	
15	2154010033	Nguyễn Hồng Kim	Anh	5.0	6.0	2.5	6.0	5	Không đạt	
16	2054032009	Nguyễn Ngọc Phi	Anh	3.0	6.5	3.0	5.5	4.5	Không đạt	
17	2054042008	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	3.5	4.0	4.0	6.5	4.5	Không đạt	
18	2054032010	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	4.5	6.0	3.5	5.5	5	Không đạt	
19	2154060029	Nguyễn Nhật	Anh	5.0	5.0	5.0	7.0	5.5	Không đạt	
20	1954030004	Nguyễn Tuấn	Anh	7.0	8.0	7.5	6.0	7	Đạt	
21	2154010043	Nguyễn Thị Lan	Anh							Vắng thi
22	2157040002	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3.5	6.5	4.5	6.0	5	Không đạt	
23	2054032012	Nguyễn Thị Trúc	Anh	6.5	2.5	6.0	6.0	5.5	Không đạt	
24	2154043008	Nguyễn Trần Trâm	Anh	5.5	8.0	7.0	6.0	6.5	Đạt	
25	2154033009	Phạm Thị Lan	Anh	6.0	4.5	5.0	3.0	4.5	Không đạt	
26	2054010032	Phan Thị Trúc	Anh	3.5	5.0	4.5	7.0	5	Không đạt	
27	2154060045	Trần Châu Vân	Anh	3.0	5.5	5.5	5.5	5	Không đạt	
28	1954042018	Trương Ngọc Quế	Anh	2.0	6.0	4.0	5.5	4.5	Không đạt	
29	2154040030	Vũ Trần Mai	Anh	4.0	4.0	3.5	2.5	3.5	Không đạt	
30	2157040008	Đỗ Thị Kim	Ánh	5.0	5.0	4.0	6.5	5	Không đạt	
31	2154033010	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	5.5	5.0	5.5	6.0	5.5	Không đạt	
32	2054042018	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	5.5	6.0	5.5	5.5	5.5	Không đạt	
33	2257042001	Nhâm Võ Ngọc	Ánh	6.5	6.5	8.0	8.5	7.5	Đạt	
34	2154033013	Hoàng Thị Thiên	Ân	5.5	6.0	5.0	5.0	5.5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
35	2154060062	Hoàng Thái	Bảo	8.0	4.0	9.0	8.5	7.5	Đạt	
36	2151013007	Nguyễn Đức Gia	Bảo	4.5	5.0	5.5	6.0	5.5	Không đạt	
37	2154043014	Nguyễn Chí	Bình	9.0	8.0	9.5	7.0	8.5	Đạt	
38	2154010087	Nguyễn Thị Như	Bình							Vắng thi
39	2054062019	Trần Hải	Bình	4.5	7.5	5.0	6.5	6	Đạt	
40	2054060049	Nguyễn Hoàng	Cương							Vắng thi
41	2054010079	Nguyễn Hoàng	Châu	3.0	8.5	4.0	6.0	5.5	Không đạt	
42	2054032036	Nguyễn Vũ Khánh	Châu	4.5	4.0	6.0	5.5	5	Không đạt	
43	2154010099	Trần Thị Minh	Châu	4.5	5.5	3.0	7.0	5	Không đạt	
44	2054032037	Hoàng Ngọc Thảo	Chi	3.0	4.0	7.0	4.5	4.5	Không đạt	
45	2154010105	Trần Thị Minh	Chi	4.5	5.0	4.5	6.0	5	Không đạt	
46	1954012035	Trương Đình	Chinh							Vắng thi
47	2154060089	Trần Ngọc Thanh	Chúc	5.0	6.5	6.0	5.5	6	Đạt	
48	2054032044	Đặng Thanh	Danh	6.5	3.0	8.0	4.5	5.5	Không đạt	
49	1954012039	Đặng Thị	Diễm	3.0	5.5	5.0	6.0	5	Không đạt	
50	1954032032	Ngô Uyển	Dinh							Vắng thi
51	2054010106	Nguyễn Thị Phương	Dung	3.0	7.0	2.5	5.0	4.5	Không đạt	
52	2154010131	Vũ Thùy	Dung	5.0	5.0	5.0	5.5	5	Không đạt	
53	2154033021	Nguyễn Huy	Dũng	6.5	8.0	6.5	6.0	7	Đạt	
54	2054042048	Nguyễn Mạnh	Dũng	5.5	6.5	7.0	6.0	6.5	Đạt	
55	1954012055	Nguyễn Trường	Dũng							Vắng thi
56	1854030051	Phan Đức	Duy	3.5	6.0	4.0	5.5	5	Không đạt	
57	2054032057	Lê Thị Kim	Duyên	4.0	4.0	3.5	2.5	3.5	Không đạt	
58	1954043003	Lê Thị Mỹ	Duyên	2.0	7.5	2.0	3.0	3.5	Không đạt	
59	1854060046	Lê Thị Mỹ	Duyên	4.0	5.5	6.0	4.5	5	Không đạt	
60	2054032062	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	6.5	6.0	8.0	5.5	6.5	Đạt	
61	1754010054	Hoàng Cao Văn	Dương	1.5	7.0	7.0	7.5	6	Đạt	
62	1954032044	Nguyễn Thị Thùy	Dương	3.0	5.5	6.0	7.5	5.5	Không đạt	
63	2154030131	Nguyễn Thị Thùy	Dương	5.0	4.5	3.5	5.0	4.5	Không đạt	
64	2054062045	Lê Thị Trang	Đài	2.5	6.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt	
65	2054032072	Hà Thị Phương	Đan	4.5	3.5	3.5			Không đạt	Vi phạm QC
66	2054032073	Hồ Linh	Đan		6.0				Không đạt	Vi phạm QC
67	2154030136	Trần Song Linh	Đan	7.5	8.0	8.5	6.0	7.5	Đạt	
68	1954032054	Vòng Vinh	Đạt	3.5	6.5	5.0	6.5	5.5	Không đạt	
69	2154060136	Lại Hải	Đăng	6.5	5.5	6.5	4.5	6	Đạt	
70	2154010174	Vương Khánh	Đình	5.0	6.0	6.0	6.5	6	Đạt	
71	2154043021	Ngô Nữ Quý	Đông	5.0	5.5	8.0	5.0	6	Đạt	
72	2054032085	Phạm Phú	Đức	1.5	7.0	4.5	7.0	5	Không đạt	
73	2154043024	Nguyễn Ngọc Châu	Giang	3.5	5.0	4.0	4.5	4.5	Không đạt	
74	2054032089	Nguyễn Nhật Quỳnh	Giang	3.5	5.5	7.0	5.0	5.5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
75	2054032090	Nguyễn Quỳnh	Giang	6.0	4.0	8.5	5.0	6	Đạt	
76	2154010184	Nguyễn Thị Triết	Giang	8.5	5.0	9.0	8.5	8	Đạt	
77	2054042058	Phạm Hương	Giang	3.0	6.0	4.5	5.5	5	Không đạt	
78	2054032092	Phạm Thị Hương	Giang		4.0				Không đạt	
79	2154010192	Bùi Thị Anh	Hà	3.5	3.0	3.0	3.5	3.5	Không đạt	
80	2054032097	Cao Thị	Hà	5.5	3.0	7.5	4.0	5	Không đạt	
81	1954042056	Cao Thúy	Hà		5.0				Không đạt	
82	1954032067	Liên Vũ Khánh	Hà	3.5	5.0	6.0	9.0	6	Đạt	
83	2054012080	Nguyễn Lê Khánh	Hà	2.5	6.5	6.0	6.5	5.5	Không đạt	
84	2054032099	Phạm Thị Thu	Hà	6.5	4.0	8.0			Không đạt	Vi phạm QC
85	2054042066	Trần Thanh	Hà		5.0				Không đạt	
86	2054032100	Trần Thị Thu	Hà							Vắng thi
87	2154010201	Võ Ngọc Phương	Hà	3.5	5.0	5.0	6.5	5	Không đạt	
88	2054032102	Lê Cao Hoàng	Hải							Vắng thi
89	2054010173	Lê Diệu	Hải	3.0	5.5	5.0	7.0	5	Không đạt	
90	2154060171	Mai Quốc	Hải	3.5	4.5	5.5	5.0	4.5	Không đạt	
91	2054042072	Đoàn Thị Thu	Hằng	2.5	4.0	5.0	5.5	4.5	Không đạt	
92	2154040105	Tăng Tổ	Hằng	5.5	5.0	5.0	3.5	5	Không đạt	
93	2054060111	Bùi Hồng	Hạnh	3.0	7.5	4.0	5.5	5	Không đạt	
94	1954042063	Nguyễn Hồng	Hạnh	2.5	4.5	2.5	6.0	4	Không đạt	
95	2154030168	Nguyễn Hồng	Hạnh		3.5				Không đạt	
96	1954012081	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3.0	6.0	3.0	5.0	4.5	Không đạt	
97	2051022035	Lý Đại	Hào							Vắng thi
98	2054012082	Nguyễn Thị Như	Hào	3.5	7.0	5.0	6.5	5.5	Không đạt	
99	2154010224	Lâm Gia	Hân	3.0	5.0	3.5	4.0	4	Không đạt	
100	1954043007	Nguyễn Kiều	Hân	4.5	7.5	3.5	5.5	5.5	Không đạt	
101	2154010233	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	6.5	6.0	6.0	6.0	6	Đạt	
102	2154010234	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	4.5	4.5	3.5	5.0	4.5	Không đạt	
103	2254030022	Phan Lê Nguyệt	Hân	4.5	7.0	6.0	8.0	6.5	Đạt	
104	1954012086	Phan Phạm Tuyết	Hân	4.5	7.0	4.5	5.0	5.5	Không đạt	
105	2054030149	Tiết	Hân	4.5	4.0	4.5	5.0	4.5	Không đạt	
106	2157050107	Huỳnh Thị Mỹ	Hiên	4.5	5.0	5.0	4.0	4.5	Không đạt	
107	1854040076	Nguyễn Thị Lương	Hiên	3.5	6.5	4.0	5.5	5	Không đạt	
108	2254040036	Mai Hồng	Hoa	2.0	1.5	3.5	2.0	2.5	Không đạt	
109	1954042079	Nguyễn Hoàng	Hoa	3.5	2.5	3.5	4.0	3.5	Không đạt	
110	2054032129	Bế Thị	Hòa	6.5	7.5	6.5	6.0	6.5	Đạt	
111	2054040128	Nguyễn Thị	Hòa	5.5	4.0	6.5	4.0	5	Không đạt	
112	2157040084	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	5.0	5.5	5.0	6.0	5.5	Không đạt	
113	2154010263	Đinh Thị Mộng	Hoài	6.5	7.0	5.0	6.0	6	Đạt	
114	2054032131	Lưu Kim	Hồng	3.0	2.0	4.5	4.5	3.5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
115	2254032072	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	7.5	7.0	8.5	6.5	7.5	Đạt	
116	1954042084	Nguyễn Ngọc	Huế	2.5	8.0	3.5	6.5	5	Không đạt	
117	2254032074	Phạm Thị Kim	Huệ	3.5	6.5	6.0	5.5	5.5	Không đạt	
118	2154010291	Lâm Hoàng	Hùng	5.5	5.5	6.0	4.0	5.5	Không đạt	
119	2154030248	Nguyễn Minh	Hùng	4.5	7.5	6.0	5.0	6	Đạt	
120	2154010295	Nguyễn Thanh	Hùng	5.0	5.0	4.5	6.5	5.5	Không đạt	
121	2154010273	Đào Phát	Huy	6.0	7.5	7.5	7.5	7	Đạt	
122	2157040089	Huỳnh Vũ	Huy		4.0				Không đạt	
123	1954012114	Lưu Hoàng	Huy		6.0				Không đạt	
124	2054042095	Ngô Gia	Huy	2.0	6.5	4.0	6.5	5	Không đạt	
125	2251012072	Nguyễn Công	Huy	7.0	5.5	9.0	7.0	7	Đạt	
126	2154010279	Nguyễn Nhật	Huy	3.0	4.0	3.0	7.0	4.5	Không đạt	
127	1851020044	Trần Nhựt	Huy	1.5	3.5	3.0	4.5	3	Không đạt	
128	2154060223	Vũ Gia	Huy	3.5	5.5	5.5	7.5	5.5	Không đạt	
129	2254010053	Zhang Gia	Huy							Vắng thi
130	2054062084	Nguyễn Thị Minh	Huyền	4.5	7.0	4.5	5.0	5.5	Không đạt	
131	2154033038	Phan Thị Thanh	Huyền	9.5	9.0	7.0	5.5	8	Đạt	
132	2154030244	Trương Thu	Huyền	6.0	7.5	6.5	6.5	6.5	Đạt	
133	2154060224	Bùi Thị Kim	Huyền	2.5	3.0	4.0	5.0	3.5	Không đạt	
134	1954010067	Bùi Diễm	Huỳnh	1.5	5.0	6.5			Không đạt	Vi phạm QC
135	1954033018	Phạm Thị Như	Huỳnh							Vắng thi
136	2154043041	Phạm Gia	Hưng	4.5	6.0	6.0	7.0	6	Đạt	
137	2154010302	Đặng Thị Thiên	Hương	5.0	4.0	3.5	5.0	4.5	Không đạt	
138	2154010304	Hồ Thị Huỳnh	Hương	4.5	4.0	3.5	1.0	3.5	Không đạt	
139	2157040102	Hồ Thiên	Hương	4.5	5.5	3.5	7.0	5	Không đạt	
140	2054032153	Huỳnh Minh	Hương	1.5	3.5	3.5	4.0	3	Không đạt	
141	2154030257	Lưu Quỳnh	Hương							Vắng thi
142	2054042105	Nguyễn Ngọc Quế	Hương	3.5	6.0	4.5	5.5	5	Không đạt	
143	2254062079	Quách Nguyễn Hào	Kiệt	8.5	8.0	9.5	6.0	8	Đạt	
144	2151013047	Trương Tuấn	Kiệt	4.5	4.0	4.5	4.0	4.5	Không đạt	
145	2154010361	Phạm Hoàng	Kiều	4.5	3.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt	
146	1854040103	Nguyễn Thị Hiếu	Kiên	3.5	6.0	5.0	4.5	5	Không đạt	
147	2054032157	Lê Hữu	Kha							Vắng thi
148	2254030032	Trương Quang	Khải	5.0	8.0	8.0	7.5	7	Đạt	
149	2154043043	Châu Đình	Khang	5.0	5.0	7.5	6.0	6	Đạt	
150	2154010325	Nguyễn Ngọc Hoàng	Khang	4.5	6.0	5.0	6.5	5.5	Không đạt	
151	2154063024	Tạ Mỹ	Khang	6.0	7.0	6.5	8.0	7	Đạt	
152	2054032163	Nguyễn Thụy Gia	Khanh	5.5	6.5	7.5	3.5	6	Đạt	
153	2154010332	Đào Ngọc Minh	Khánh	6.5	4.0	4.5			Không đạt	Vi phạm QC
154	2154063026	Phan Quốc	Khánh	5.0	6.5	4.5	5.5	5.5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
155	2154010344	Lương Lê	Khiết	3.0	4.5	2.0	1.0	2.5	Không đạt	
156	2254032091	Trương Gia	Khiêm	4.0	5.5	3.0	6.0	4.5	Không đạt	
157	2054032171	Hoàng Công	Khoa	4.5	6.5	5.5	7.0	6	Đạt	
158	2154010352	Trần Đăng	Khoa	5.5	6.0	7.5	7.0	6.5	Đạt	
159	2054032174	Trịnh Đăng	Khoa	3.5	4.0	6.5			Không đạt	Vi phạm QC
160	1954032122	Doãn Tâm Hoàng	Khôi	2.5	7.0	2.5	6.0	4.5	Không đạt	
161	2054032177	Nguyễn Đình	Khôi	6.0	7.0	7.0	7.0	7	Đạt	
162	1954042101	Đỗ Lê Bốn	Khương		4.5				Không đạt	
163	2154010376	Bùi Thị Thu	Lan	4.0	3.0	4.0	6.0	4.5	Không đạt	
164	2154030302	Trịnh Hoàng	Lan	4.0	5.0	6.0	4.5	5	Không đạt	
165	2157040119	Vũ Thị	Lan	4.5	5.0	2.0	1.0	3	Không đạt	
166	2254062081	Phạm Vũ Khánh	Lê	7.0	7.5	7.0	7.0	7	Đạt	
167	2054062099	Đỗ Thị Diệu	Linh	3.0	7.0	6.0	4.0	5	Không đạt	
168	2154010400	Hoàng Thị Khánh	Linh	8.5	7.0	6.0	7.0	7	Đạt	
169	1951052100	Hứa Thái Mỹ	Linh	3.5	7.5	4.5	7.0	5.5	Không đạt	
170	2254012124	Lê Đoàn Khánh	Linh	6.5	5.5	5.5	4.0	5.5	Không đạt	
171	2254040050	Lê Trần Thảo	Linh	3.5	2.5	5.0	2.5	3.5	Không đạt	
172	2154043050	Nguyễn Khánh	Linh	8.0	6.5	8.0	7.0	7.5	Đạt	
173	2054032197	Nguyễn Nhật	Linh	3.0	7.5	5.5	7.5	6	Đạt	
174	2054062101	Nguyễn Thị Mai	Linh	2.0	6.5	4.5	6.0	5	Không đạt	
175	2154010416	Nguyễn Thùy	Linh	5.0	5.0	4.0	7.0	5.5	Không đạt	
176	2154010417	Phan Thị Mỹ	Linh	6.0	4.0	4.5	4.5	5	Không đạt	
177	2154010422	Tô Thị Thùy	Linh	4.5	4.0	5.0	6.0	5	Không đạt	
178	2151013050	Trần Quang	Linh	3.0	4.0	4.5	6.0	4.5	Không đạt	
179	2054062110	Phạm Tấn	Lợi	3.5	7.0	4.0	4.0	4.5	Không đạt	
180	2054042135	Đặng Đức	Long	3.5	6.5	5.5	8.0	6	Đạt	
181	2154030347	Đinh Hoàng	Long	3.5	7.5	4.0	5.5	5	Không đạt	
182	2154010443	Nguyễn Lê Duy	Long	7.5	8.5	8.5	7.0	8	Đạt	
183	2054032206	Vũ Nguyễn Hoàng	Long	3.0	6.0	4.0	6.0	5	Không đạt	
184	2054032212	Nguyễn Thị Gia	Luật	6.5	4.5	8.5			Không đạt	Vi phạm QC
185	2154010453	Hoàng Khánh	Ly	5.0	5.0	3.5	3.5	4.5	Không đạt	
186	2254062094	Trần Bảo	Ly	8.5	8.0	8.0	7.0	8	Đạt	
187	2254040060	Nguyễn Trần Hoàng	Mai	4.5	4.5	8.5	6.0	6	Đạt	
188	1954030059	Võ Thị Tuyết	Mai	2.5	7.5	4.5	7.0	5.5	Không đạt	
189	2154033049	Lâm Gia	Mẫn	7.5	6.5	8.5	6.5	7.5	Đạt	
190	2051020114	Phạm Đức	Mạnh							Vắng thi
191	2154060338	Phạm Ngọc Giao	Minh	3.0	4.0	4.0	5.5	4	Không đạt	
192	2154010491	Châu Hải	My	6.0	6.0	7.0	7.0	6.5	Đạt	
193	2154043057	Ngô Thanh Trà	My	7.0	7.0	9.5	7.5	8	Đạt	
194	2054042146	Nguyễn Ngọc Trà	My	2.5	5.0	4.0	4.5	4	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
195	2154040239	Tổng Ngọc Thảo	My	5.5	6.0	5.0	4.0	5	Không đạt	
196	2054032228	Trần Thị Tuyết	My		4.5				Không đạt	
197	2157040160	Hồ Trương Gia	Mỹ	6.5	4.5	5.5	6.5	6	Đạt	
198	2254030054	Trần Thi	Mỹ	6.5	7.0	6.5	7.0	7	Đạt	
199	2154063036	Lê Trương Như	Ngà	5.0	7.5	8.5	8.5	7.5	Đạt	
200	2154010512	Bùi Tuyết	Ngân	5.5	8.0	7.0	6.5	7	Đạt	
201	2154030418	Cao Phan Bảo	Ngân	7.0	4.5	7.0	4.5	6	Đạt	
202	1754010176	Hồ Thị Kim	Ngân	3.5	5.5	6.0	5.0	5	Không đạt	
203	2054032235	Huỳnh Thúy	Ngân	2.5	5.0	6.0	7.5	5.5	Không đạt	
204	1954010102	Lưu Kim	Ngân	4.5	6.5	4.0	6.0	5.5	Không đạt	
205	2054042154	Nguyễn Hồ Kim	Ngân	5.5	7.0	5.0	7.0	6	Đạt	
206	2154060370	Nguyễn Lê Hoàng	Ngân	3.5	4.5	3.5	4.5	4	Không đạt	
207	2254030055	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân							Vắng thi
208	1954033032	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	4.5	4.0	5.5	5.0	5	Không đạt	
209	2154030443	Phạm Kim	Ngân	3.0	3.0	3.5	2.0	3	Không đạt	
210	2054032241	Phạm Thúy	Ngân	6.5	5.0	5.5	5.5	5.5	Không đạt	
211	2154010539	Trần Lê Mỹ	Ngân	6.5	7.5	9.0	6.0	7.5	Đạt	
212	1954042157	Trần Tôn Thiên	Ngân	2.5	6.0	3.5	6.5	4.5	Không đạt	
213	1954042156	Trần Thanh	Ngân	2.5	7.0	6.5	6.0	5.5	Không đạt	
214	2154063038	Đỗ Phương	Nghi	7.0	7.5	9.0	6.5	7.5	Đạt	
215	2054032244	Hoàng Phương	Nghi	2.0	5.0	4.0	4.0	4	Không đạt	
216	2054032245	Nguyễn Thanh Đông	Nghi	5.0	6.5	6.5	6.0	6	Đạt	
217	2254030057	Trần Tuệ	Nghi	4.0	7.0	7.5	8.0	6.5	Đạt	
218	2154033054	Trịnh Uyển	Nghi	6.5	7.5	9.0	5.0	7	Đạt	
219	2054042163	Trương Đặng Bảo	Nghi	3.0	6.5	4.0	7.5	5.5	Không đạt	
220	2151010246	Nguyễn Trương Xuân	Nghiêm							Vắng thi
221	2054030337	Đặng Trần Yến	Ngọc	4.5	4.0	3.0	2.5	3.5	Không đạt	
222	2054032251	Đỗ Như	Ngọc	5.5	4.5	6.5	7.0	6	Đạt	
223	2154010566	Lê Ánh	Ngọc	7.0	8.5	7.0	3.5	6.5	Đạt	
224	2154040264	Lê Bảo	Ngọc	3.5	6.0	4.0	6.5	5	Không đạt	
225	2154010567	Lê Hồng	Ngọc	6.5	7.0	8.0	6.5	7	Đạt	
226	2154033057	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	5.0	6.0	6.5	5.5	6	Đạt	
227	2054032254	Lưu Chung Mỹ	Ngọc	6.5	5.5	6.5	5.0	6	Đạt	
228	2157053024	Nguyễn Ánh	Ngọc	4.0	5.0	5.5	6.0	5	Không đạt	
229	2154030464	Nguyễn Diễm Bảo	Ngọc	5.5	5.5	7.5	6.0	6	Đạt	
230	1954032206	Nguyễn Khánh	Ngọc	2.0	3.0	5.0	6.0	4	Không đạt	
231	2054062143	Nguyễn Mai Bảo	Ngọc	2.5	6.5	5.0	6.0	5	Không đạt	
232	2254012175	Nguyễn Thị Như	Ngọc	4.5	8.0	4.0	6.0	5.5	Không đạt	
233	2154060399	Phạm Huỳnh Bá	Ngọc	6.5	7.0	7.0	5.0	6.5	Đạt	
234	2153010253	Thạch Thị Kim	Ngọc	4.0	2.5	2.5	4.5	3.5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
235	1954032209	Trần Bảo	Ngọc	2.0	3.5	3.0	4.5	3.5	Không đạt	
236	2154063039	Huỳnh Lâm Thảo	Nguyên	6.5	6.5	7.0	7.0	7	Đạt	
237	2054042178	Lưu Nguyễn Minh	Nguyên	3.5	6.0	5.0	5.0	5	Không đạt	
238	1954040066	Nguyễn Hữu	Nguyên							Vắng thi
239	2154030496	Trần Thị Bích	Nhã	3.0	5.0	8.0	5.0	5.5	Không đạt	
240	2054060347	Lê Thị Thanh	Nhàn							Vắng thi
241	2054032268	Nguyễn Thị Khánh	Nhạn	4.5	4.0	4.0	4.5	4.5	Không đạt	
242	2054032271	Trần Minh	Nhật	2.5	6.0	2.5	4.5	4	Không đạt	
243	2154060415	Trần Trọng	Nhân	6.5	7.5	6.0	4.5	6	Đạt	
244	2154030503	Cao Bùi Vân	Nhi	4.0	6.0	3.5	5.5	5	Không đạt	
245	2154033060	Châu Mẫn	Nhi	6.5	5.5	5.5	4.5	5.5	Không đạt	
246	2054042190	Huỳnh Thị An	Nhi	3.5	6.5	5.0	7.0	5.5	Không đạt	
247	2154030508	Lâm Ngọc Yến	Nhi	6.0	5.5	8.0	4.0	6	Đạt	
248	2254012196	Lê Huỳnh Uyên	Nhi	7.5	8.0	7.5	6.0	7.5	Đạt	
249	1854060175	Lê Trần Tú	Nhi							Vắng thi
250	2154010628	Mai Vũ Uyên	Nhi	3.5	7.0	5.5	5.5	5.5	Không đạt	
251	2154043071	Ngô Vũ Thùy	Nhi	5.5	6.0	7.5	5.0	6	Đạt	
252	2254012202	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	7.5	8.5	8.0	7.0	8	Đạt	
253	2154043072	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	5.5	7.0	8.5	5.5	6.5	Đạt	
254	2054042193	Nguyễn Như Tuyết	Nhi	3.0	4.0	5.5	6.5	5	Không đạt	
255	2054032284	Nguyễn Thị Yến	Nhi	4.5	6.0	6.5	5.0	5.5	Không đạt	
256	2054032287	Nguyễn Trần Uyên	Nhi	3.5	6.5	5.5	5.5	5.5	Không đạt	
257	2154010641	Nguyễn Võ Tường	Nhi	5.0	6.5	6.0	5.5	6	Đạt	
258	2054042199	Nguyễn Yến	Nhi	7.5	5.0	4.0	7.5	6	Đạt	
259	2054042200	Nguyễn Yến	Nhi	3.5	3.0	7.0	7.5	5.5	Không đạt	
260	2154013024	Nguyễn Yến	Nhi							Vắng thi
261	2154010650	Trần Yến	Nhi	3.0	7.0	3.0	6.0	5	Không đạt	
262	2154043075	Vũ Uyên	Nhi	7.5	7.5	9.5	7.0	8	Đạt	
263	2154010657	Đan Nguyễn Hồng	Nhung	3.5	7.0	5.5	6.5	5.5	Không đạt	
264	2054032296	Huỳnh Thị Hoàng	Nhung	4.5	6.0	4.5	5.5	5	Không đạt	
265	2054042211	Trần Thảo	Nhung	3.0	6.5	5.0	7.5	5.5	Không đạt	
266	2154060451	Đặng Nguyễn Ngọc	Như'	4.5	5.5	3.0	5.0	4.5	Không đạt	
267	2054042212	Huỳnh Tâm	Như'	3.0	1.5	4.5	3.5	3	Không đạt	
268	2154030562	La Tôn Ái	Như'	3.0	5.0	2.5	3.0	3.5	Không đạt	
269	2154010674	Lê Hà Quỳnh	Như'	6.5	4.5	7.5	6.0	6	Đạt	
270	1954042198	Nguyễn Thị Thảo	Như'	3.0	4.5	3.0	4.0	3.5	Không đạt	
271	2054010540	Thái Huỳnh	Như'	2.0	6.0	2.5	4.5	4	Không đạt	
272	2054062164	Trần Thảo	Như'							Vắng thi
273	2254012214	Trần Thiên Ý	Như'	9.0	6.0	8.5	7.5	8	Đạt	
274	2157040229	Trương Đặng Hoàng	Như'							Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
275	2154030578	Vũ Ngọc Quỳnh	Như'	4.0	5.5	9.0	1.5	5	Không đạt	
276	1954032249	Huỳnh Thị Hoàng	Oanh	3.5	6.0	4.5	6.0	5	Không đạt	
277	2251012106	Vũ Tú	Oanh	8.5	8.0	9.5	4.5	7.5	Đạt	
278	1953012067	Nguyễn Lâm	Phi	3.0	6.5	2.5	2.0	3.5	Không đạt	
279	2154040361	Phan Thị Mai	Phi	5.0	4.0	6.5	7.0	5.5	Không đạt	
280	2154013028	Lý Chí	Phong	8.0	4.5	8.0	4.0	6	Đạt	
281	2151010285	Nguyễn Đức	Phong	4.5	5.0	5.0	6.5	5.5	Không đạt	
282	2054032320	Lê Hoàng	Phúc	3.0	7.5	5.5	5.5	5.5	Không đạt	
283	2154010726	Nguyễn Thị Kim	Phúc	4.5	6.0	4.5	2.0	4.5	Không đạt	
284	2054032325	Nguyễn Thịnh Bảo	Phúc							Vắng thi
285	2054032327	Trần Hoàng	Phúc	3.5	6.5	6.0	5.5	5.5	Không đạt	
286	2154010727	Trần Trọng	Phúc	5.0	7.0	5.0	5.5	5.5	Không đạt	
287	2154010728	Ngô Mỹ	Phụng	5.0	7.0	5.0	6.5	6	Đạt	
288	2054030438	Bùi Hồng	Phương	5.0	6.5	5.5	5.0	5.5	Không đạt	
289	2154010739	Hồ Hà	Phương	5.0	7.5	6.0	6.5	6.5	Đạt	
290	2154030613	Huỳnh Nguyễn Yến	Phương	4.0	5.0	5.0	6.0	5	Không đạt	
291	2254032208	Nguyễn Anh	Phương	7.0	8.0	9.0	7.0	8	Đạt	
292	1954062187	Tạ Anh	Phương	2.5	8.5	4.5	6.0	5.5	Không đạt	
293	2157043034	Võ Ngọc Hoài	Phương	6.0	4.5	6.5	8.0	6.5	Đạt	
294	2054032344	Đoàn Anh	Quân							Vắng thi
295	2154010767	Mai Diễm	Quân	6.0	8.0	8.5	7.0	7.5	Đạt	
296	2151013074	Nguyễn Hồng	Quân	5.5	6.5	7.0	6.0	6.5	Đạt	
297	2151013077	Dương Phú	Quý	3.0	4.5	4.0	4.0	4	Không đạt	
298	1954042211	Huỳnh Thị Diễm	Quỳnh	2.5	4.0	4.0	5.0	4	Không đạt	
299	1954032280	Âu Thị Như'	Quỳnh							Vắng thi
300	2154010786	Hồ Diễm	Quỳnh	5.5	7.0	5.5	5.5	6	Đạt	
301	1954010163	Nguyễn Ngọc Bảo	Quỳnh	3.0	5.5	5.0	5.0	4.5	Không đạt	
302	2154033066	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh							Vắng thi
303	2054032355	Nguyễn Thị Như'	Quỳnh							Vắng thi
304	2154030654	Phạm Lê Diễm	Quỳnh	5.5	5.0	7.0	2.5	5	Không đạt	
305	1954042216	Phạm Thị Thu	Quỳnh	3.0	5.0	3.5	4.0	4	Không đạt	
306	2354040257	Tạ Ngọc Khánh	Quỳnh							Vắng thi
307	2054042252	Vũ Thị Phương	Quỳnh	4.5	5.0	5.0	1.5	4	Không đạt	
308	2354010363	Christina	Smetanin	9.0	8.5	8.5	6.5	8	Đạt	
309	2151013081	Bùi Thanh	Sơn	5.5	5.5	4.5	8.0	6	Đạt	
310	2154010814	Nguyễn Trường	Sơn	4.5	3.5	6.5	5.5	5	Không đạt	
311	2354020163	Phạm Hồng	Sơn	8.0	7.0	8.0	5.5	7	Đạt	
312	2154010817	Lê Thị Tuyết	Sương	4.5	6.0	4.0	4.0	4.5	Không đạt	
313	2254012257	Lê Minh	Tài	9.5	9.0	9.0	6.0	8.5	Đạt	
314	2154010824	Vũ Đức	Tài							Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
315	2154030670	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	6.5	5.0	5.0	3.0	5	Không đạt	
316	2054040349	Mai Thanh	Tâm	4.0	6.0	4.0	6.5	5	Không đạt	
317	2254020074	Nguyễn Thị Minh	Tâm	5.0	7.0	6.0	5.5	6	Đạt	
318	2054042259	Phùng Nguyễn Hoàng	Tâm	2.0	1.5	3.0	3.0	2.5	Không đạt	
319	2054042261	Trương Mỹ	Tâm	3.0	6.5	5.0	6.0	5	Không đạt	
320	2254062156	Trương Thị Thanh	Tâm	5.0	6.5	5.0	5.5	5.5	Không đạt	
321	1954032299	Nguyễn Võ Đức	Tân	3.0	5.0	7.0	8.5	6	Đạt	
322	2157040319	Tô Thanh	Tiến	5.0	5.5	4.0	4.0	4.5	Không đạt	
323	2154043110	Lê Thị	Tiền	7.5	5.0	6.0	7.5	6.5	Đạt	
324	2154030808	Đinh Ngọc Thủy	Tiền	4.5	5.0	6.5	3.5	5	Không đạt	
325	2054062219	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiền	3.5	6.5	4.0	5.5	5	Không đạt	
326	2151013100	Huỳnh Công	Tín	5.0	2.5	3.0	2.0	3	Không đạt	
327	1954012353	Nguyễn Hữu	Tín	3.5	6.0	5.5	4.0	5	Không đạt	
328	2054032444	Nguyễn Trung	Tín	3.5	5.5	3.5	5.0	4.5	Không đạt	
329	2157040321	Nguyễn Tú	Tinh	4.5	5.0	5.0	5.5	5	Không đạt	
330	1854030406	Phan Nguyên	Toàn	4.5	6.5	5.0	4.5	5	Không đạt	
331	1854040315	Vũ Quốc	Toàn	3.0	7.0	4.0	4.5	4.5	Không đạt	
332	2154011088	Phạm Nguyễn Cẩm	Tú	4.5	6.0	4.0	4.5	5	Không đạt	
333	2154043124	Trương Đình	Tú	5.5	4.5	7.0	5.5	5.5	Không đạt	
334	1954042290	Bùi Minh	Tuấn	1.5	4.5	4.0	5.5	4	Không đạt	
335	2154011079	Lê Trọng	Tuấn	3.0	3.5	4.0	3.5	3.5	Không đạt	
336	1851020141	Nguyễn Đức	Tuấn	3.0	6.0	3.5	4.0	4	Không đạt	
337	2151013104	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	7.5	6.0	6.5	7.0	7	Đạt	
338	2254042253	Thái Trường	Tuấn	9.0	7.0	9.0	6.0	8	Đạt	
339	2154030923	Đặng Bích	Tuyên	3.5	5.0	8.5	4.5	5.5	Không đạt	
340	2054032502	Đinh Ngọc Kim	Tuyên	6.5	8.0	7.5			Không đạt	Vi phạm QC
341	2154063059	Lê Ngọc Kim	Tuyên	4.5	3.5	3.5	4.0	4	Không đạt	
342	2154043121	Lê Trần Bằng	Tuyên	7.0	5.5	7.0	5.0	6	Đạt	
343	2154032019	Ngô Thị Ngọc	Tuyên	4.5	6.5	9.5	7.0	7	Đạt	
344	2154011085	Nguyễn Thị Như	Tuyên							Vắng thi
345	2054042361	Nguyễn Thu	Tuyên	2.5	3.0	4.0	3.5	3.5	Không đạt	
346	2054032506	Trần Khánh	Tuyên	2.0	6.0	5.0	3.5	4	Không đạt	
347	1954012396	Dương Thị Hồng	Tuyệt	2.5	7.0	3.5	6.0	5	Không đạt	
348	2154030930	Lương Ánh	Tuyệt	3.5	4.0	9.5	3.5	5	Không đạt	
349	2054042364	Phạm Thị Ánh	Tuyệt							Vi phạm QC
350	2154011099	Lê Lan	Tường	3.0	5.5	4.5	4.0	4.5	Không đạt	
351	2054010637	Phạm Thanh	Thanh	1.5	6.0	2.5	2.5	3	Không đạt	
352	2054042267	Đoàn Gia	Thành	2.5	5.0	4.0	6.5	4.5	Không đạt	
353	1953012086	Nguyễn Tử	Thành							Vắng thi
354	2154060537	Bùi Thị Thanh	Thảo	5.5	7.0	2.5	5.5	5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
355	2154030695	Hồ Ngọc Thanh	Thảo	5.0	7.0	5.0	4.0	5.5	Không đạt	
356	2154040428	Huỳnh Thu	Thảo	2.5	5.0	3.0	2.5	3.5	Không đạt	
357	2054010660	Nguyễn Đăng Kim	Thảo							Vắng thi
358	2154010874	Nguyễn Lưu Phương	Thảo	6.5	8.0	8.0	6.0	7	Đạt	
359	2154043089	Nguyễn Thanh	Thảo	6.5	3.5	4.5	5.5	5	Không đạt	
360	2054042275	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		2.5				Không đạt	
361	2154010879	Nguyễn Xuân	Thảo		7.5				Không đạt	
362	2054042277	Phan Đoàn Thanh	Thảo	3.0	5.0	4.0	5.5	4.5	Không đạt	
363	2154033068	Phan Thị Thanh	Thảo	5.5	5.5	8.5	7.0	6.5	Đạt	
364	2054030533	Phùng Thị Thanh	Thảo	2.5	6.0	4.5	6.5	5	Không đạt	
365	1854010386	Võ Thị Thu	Thảo	2.5	5.5	4.0	6.0	4.5	Không đạt	
366	1854040275	Lê Thị Phương	Thi	3.0		5.0	3.0		Không đạt	
367	2054032392	Nguyễn Trần Hoàng	Thi	3.5	6.5	2.5	6.0	4.5	Không đạt	
368	2054062206	Trịnh Ngọc Yến	Thi	4.5	6.5	4.0	6.0	5.5	Không đạt	
369	2054032393	Võ Hoàng	Thi							Vắng thi
370	2154040451	Nguyễn Phước Bảo	Thịnh	8.5	7.0	7.5	5.0	7	Đạt	
371	2151013095	Phan Hữu	Thịnh	5.0	5.5	3.5	6.5	5	Không đạt	
372	2154030723	Trần Gia	Thịnh	6.5	8.0	9.0	5.5	7.5	Đạt	
373	2151010361	Nguyễn Quốc	Thống	2.0	5.5	2.5	6.5	4	Không đạt	
374	2054032399	Tôn Thất Hoàng	Thông	5.0	7.0	5.5	6.5	6	Đạt	
375	2154063049	Huỳnh Quốc	Thuận	7.0	7.5	9.5	9.0	8.5	Đạt	
376	2154030741	Đinh Thị Ngọc	Thúy	5.0	4.5	3.5	4.0	4.5	Không đạt	
377	2054062208	Đoàn Thanh	Thủy	3.0	7.0	4.0	5.5	5	Không đạt	
378	2154060583	Nguyễn Như	Thủy	5.5	3.5	3.5	2.5	4	Không đạt	
379	2054042293	Hồ Thị Thanh	Thủy	3.5	6.0	5.5	6.0	5.5	Không đạt	
380	2154043095	Nguyễn Nho Ngọc	Thủy	5.5	7.0	8.0	5.5	6.5	Đạt	
381	2154030747	Nguyễn Thị Lệ	Thủy		4.5				Không đạt	
382	2054032406	Nguyễn Thị Thu	Thủy							Vắng thi
383	2054032419	Quách Thu	Thủy	5.5	8.0	5.0	5.5	6	Đạt	
384	2154060589	Bùi Minh	Thư	4.5	5.5	4.0	6.0	5	Không đạt	
385	1954032344	Dương Huỳnh Minh	Thư	2.5	4.0	3.0	6.0	4	Không đạt	
386	2154030752	Đặng Nguyễn Minh	Thư	5.0	5.5	5.0	4.5	5	Không đạt	
387	2154030754	Đỗ Anh	Thư							Vắng thi
388	2054062212	Hà Anh	Thư	4.5	5.5	6.5	6.5	6	Đạt	
389	1953012104	Lê Trần Hà	Thư	3.0	7.0	3.0	1.5	3.5	Không đạt	
390	2054032422	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	3.5	8.0	7.0	6.5	6.5	Đạt	
391	2053012127	Nguyễn Nguyệt Lan	Thư	3.0	5.5	4.0	7.0	5	Không đạt	
392	1954032348	Nguyễn Thị Thanh	Thư	4.0	1.0	6.5	2.5	3.5	Không đạt	
393	2154043104	Trương Ngọc Anh	Thư	4.5	7.5	6.5	5.0	6	Đạt	
394	2254012300	Vũ Bùi Kim	Thư	6.0	7.0	8.5	7.0	7	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
395	1754042096	Vũ Thị	Thư							Vắng thi
396	2054062214	Vũ Trần Minh	Thư	1.5	6.0	4.5	5.5	4.5	Không đạt	
397	1954032356	Nguyễn Hoàng Thanh	Thương	2.5	4.0	4.0	6.0	4	Không đạt	
398	2154043105	Nguyễn Thị Hoài	Thương							Vắng thi
399	2054042302	Nguyễn Vi Hoài	Thương							Vắng thi
400	2054042305	Nguyễn An	Thy	3.0	6.5	5.0	4.0	4.5	Không đạt	
401	2054040446	Nguyễn Thị Thu	Trà	2.5	6.0	2.5	2.5	3.5	Không đạt	
402	2054012329	Phạm Thanh	Trà	4.5	8.0	7.0	7.0	6.5	Đạt	
403	1954012358	Đỗ Trinh Huyền	Trang	3.0	7.0	3.0			Không đạt	Vi phạm QC
404	2154010997	Đỗ Yến	Trang	6.0	7.5	7.0	7.5	7	Đạt	
405	2054042313	Hồ Nữ Yến	Trang	4.5	2.5	5.0	6.5	4.5	Không đạt	
406	1854010438	Lê Nguyễn Phương	Trang	3.0	6.5	3.0	3.0	4	Không đạt	
407	2054032449	Lê Thị Huyền	Trang	3.0	5.5	4.5	6.0	5	Không đạt	
408	2254062193	Lê Thị Kiều	Trang	7.0	6.5	8.5	6.0	7	Đạt	
409	2154040503	Nguyễn Đào Phương	Trang	4.0	7.5	3.5	5.5	5	Không đạt	
410	2157043048	Nguyễn Thị Thiên	Trang	5.0	5.5	5.5	7.0	6	Đạt	
411	1854060259	Phạm Thị Đoan	Trang		9.0				Không đạt	Vi phạm QC
412	1854060261	Thiều Nguyễn Xuân	Trang	2.5	7.5	3.0	8.0	5.5	Không đạt	
413	2054042321	Trần Huyền	Trang	3.5	4.5	3.0	4.5	4	Không đạt	
414	2054032458	Trần Ngọc Thảo	Trang	3.0	6.5	4.0	7.0	5	Không đạt	
415	2054032460	Trần Thị Thảo	Trang	3.0	6.5	5.5	6.5	5.5	Không đạt	
416	2154030860	Trần Thị Thùy	Trang	3.5	3.0	9.5	2.0	4.5	Không đạt	
417	2154033076	Võ Thị Kim	Trang							Vắng thi
418	2054032464	Đặng Thị Ngọc	Trâm	1.5	6.5	3.0	6.0	4.5	Không đạt	
419	2154011016	Lê Huỳnh Bảo	Trâm	5.5	5.0	5.0	3.5	5	Không đạt	
420	2154030874	Lê Thảo	Trâm	3.0	1.0	4.0	3.0	3	Không đạt	
421	1954062259	Mai Thị Ngọc	Trâm	1.5	6.0	6.5	6.5	5	Không đạt	
422	2054042325	Nguyễn Ngọc	Trâm							Vắng thi
423	2054040451	Nguyễn Phương	Trâm	2.5	5.5	5.0	7.5	5	Không đạt	
424	2157040332	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	8.0	6.0	7.0	7.0	7	Đạt	
425	2054012331	Phan Thị Thanh	Trâm	3.5	6.0	7.5	6.5	6	Đạt	
426	2054062240	Trần Bảo	Trâm	3.5	8.0	6.0	6.0	6	Đạt	
427	2054032472	Võ Hoàng Bảo	Trâm	7.0	7.5	3.5	5.0	6	Đạt	
428	2157040338	Huỳnh Ngọc Ái	Trân	2.5	4.0	4.5	4.0	4	Không đạt	
429	1954062261	Lê Bảo Tố	Trân	3.0	7.0	3.5	6.5	5	Không đạt	
430	2154011057	Phan Lê Minh	Trí							Vắng thi
431	2054032478	Dương Đỗ Hải	Triều		6.5				Không đạt	
432	2154011033	Đỗ Yến	Trinh	5.5	7.0	6.5	6.0	6.5	Đạt	
433	2154030896	Đoàn Thị Kiều	Trinh							Vắng thi
434	2154011042	Nguyễn Đoàn Phương	Trinh	3.5	6.5	5.0	6.5	5.5	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
435	2154060685	Nguyễn Phương	Trình	2.5	3.0	4.5	4.0	3.5	Không đạt	
436	2054042343	Nguyễn Thị Phương	Trình	3.0	4.5	4.0	6.0	4.5	Không đạt	
437	2154011045	Nguyễn Thị Phương	Trình	4.0	2.5	3.0	1.5	3	Không đạt	
438	1754042108	Trần Thị Thu	Trình	4.0	6.0	9.0	8.0	7	Đạt	
439	2254042242	Trương Thị Ngọc	Trình	5.0	3.5	5.0	3.0	4	Không đạt	
440	2054060591	Lê Thị Thanh	Trông	3.5	1.0	2.5	2.0	2.5	Không đạt	
441	1754042110	Nguyễn Hoàng Thiên	Trúc	1.5	5.0	8.5	7.5	5.5	Không đạt	
442	2054040471	Nguyễn Ngọc Nhã	Trúc	4.5	5.5	4.0	5.5	5	Không đạt	
443	2054010830	Nguyễn Thanh	Trúc	2.5	5.5	3.0	5.0	4	Không đạt	
444	2154011071	Trần Nguyễn Như	Trúc	2.5	3.5	4.0	3.0	3.5	Không đạt	
445	2151013103	Lê Nguyễn Quốc	Trung	4.0	3.0	7.0	5.5	5	Không đạt	
446	2154030907	Nguyễn Hoàng	Trung		7.5				Không đạt	
447	1854030450	Lê Quang Nhật	Trưởng	3.5	4.5	3.5	4.5	4	Không đạt	
448	1854040364	Cao Ngọc Phương	Uyên	3.5	6.0	5.0	5.0	5	Không đạt	
449	2254030127	Lê	Uyên	7.5	8.5	8.5	7.0	8	Đạt	
450	2154033081	Mai Mỹ	Uyên	7.0	5.5	8.5	7.5	7	Đạt	
451	2054042369	Ngô Lê Phương	Uyên	4.0	4.0	2.5	6.0	4	Không đạt	
452	2054060621	Nguyễn Hoàng Thúy	Uyên	3.5	8.0	3.0	7.0	5.5	Không đạt	
453	1954042299	Nguyễn Ngọc Khánh	Uyên	3.0	5.0	5.0	6.0	5	Không đạt	
454	2054032522	Phạm Đăng Phương	Uyên	6.0	6.0	4.5	5.5	5.5	Không đạt	
455	1954062282	Vũ Đoàn Kim	Uyên							Vắng thi
456	2154011119	Phan Thị Anh	Ứng		5.0				Không đạt	
457	2154043129	Cao Thị Ngọc	Vân	7.0	7.5	9.0	5.5	7.5	Đạt	
458	2154040577	Nguyễn Phương	Vân	4.0	6.5	6.5	6.0	6	Đạt	
459	2254032331	Nguyễn Thanh	Vân	7.0	7.5	7.5	7.5	7.5	Đạt	
460	1954030162	Nguyễn Thảo	Vân							Vắng thi
461	2154033083	Nguyễn Thị Bích	Vân							Vắng thi
462	2154013037	Bành Gia	Vĩ		7.0				Không đạt	
463	2154043135	Hoàng	Việt	5.5	5.5	6.5	5.5	6	Đạt	
464	2054032539	Hoàng	Vũ	4.0	7.5	5.5	6.0	6	Đạt	
465	2151013109	Lê Nguyễn Anh	Vũ	7.5	6.5	9.0	6.0	7.5	Đạt	
466	2154011140	Nguyễn Huỳnh	Vũ	5.0	6.0	5.0	5.5	5.5	Không đạt	
467	2154043137	Nguyễn Trường	Vũ		3.5				Không đạt	
468	2054042385	Phan Quốc Hoàn	Vũ	8.5	3.5	7.0	7.0	6.5	Đạt	
469	1854010529	Dương Hoàng Trúc	Vy	3.5	5.5	5.0	6.0	5	Không đạt	
470	1954033054	Đại Diệu Ngọc	Vy	5.5	4.5	5.5	6.0	5.5	Không đạt	
471	2157040366	Đăng Triệu	Vy							Vắng thi
472	2254042270	Đinh Trần Thúy	Vy	5.5	5.0	7.0	5.0	5.5	Không đạt	
473	1954042314	Hà Thúy	Vy	4.5	4.0	6.0	2.5	4.5	Không đạt	
474	2254062220	Hồ Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	9.0	8.0	9.0	8.0	8.5	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Cộng	Năng lực	Ghi chú
475	2257042083	Mai Thị Lan	Vy	6.5	7.0	5.5	6.5	6.5	Đạt	
476	2054032547	Nguyễn Hoàng Thúy	Vy	7.0	7.0	7.5	4.0	6.5	Đạt	
477	2054032550	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	4.0	7.0	5.0	6.5	5.5	Không đạt	
478	2054042390	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	3.5	4.0	3.5	4.0	4	Không đạt	
479	2157040374	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	6.5	6.0	6.5	7.0	6.5	Đạt	
480	2054040520	Nguyễn Ngọc Uyên	Vy	4.0	4.5	5.5	7.0	5.5	Không đạt	
481	2154011154	Nguyễn Phạm Bảo	Vy							Vắng thi
482	2054010913	Nguyễn Phan Tường	Vy							Vắng thi
483	2054012387	Nguyễn Thị Thảo	Vy	4.5	8.0	4.0	5.5	5.5	Không đạt	
484	2054062273	Nguyễn Thị Thảo	Vy	3.0	7.0	3.5	5.0	4.5	Không đạt	
485	1954032441	Nguyễn Võ Ngọc Kim	Vy		3.0				Không đạt	
486	2054032553	Phạm Hồng Tường	Vy	7.0	5.0	8.5	5.0	6.5	Đạt	
487	2354030459	Phạm Lê Thụy	Vy	8.0	7.5	9.0	7.5	8	Đạt	
488	2154040596	Phan Ngọc Tường	Vy	3.5	4.0	4.5	4.5	4	Không đạt	
489	1954032442	Quách Khả	Vy	3.0	7.0	4.5	7.0	5.5	Không đạt	
490	2054032557	Trà Nguyễn Phương	Vy	2.5	5.0	5.0	6.0	4.5	Không đạt	
491	2154011175	Trần Thị Tường	Vy	4.0	6.5	4.5	7.0	5.5	Không đạt	
492	2054042395	Trần Thụy Thảo	Vy	2.5	5.5	6.0	6.0	5	Không đạt	
493	2154011181	Võ Tường	Vy	4.5	5.5	5.0	5.0	5	Không đạt	
494	2154043142	Trịnh Mai	Xuân	4.0	6.5	6.5	7.5	6	Đạt	
495	2154011189	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	2.5	5.0	5.0	5.5	4.5	Không đạt	
496	1954030170	Võ Thị Mỹ	Xuyến							Vắng thi
497	2154011197	Đỗ Mỹ	Yến	7.5	7.0	8.0	5.5	7	Đạt	
498	2154011198	Huỳnh Võ Hải	Yến	3.5	5.5	4.5	4.0	4.5	Không đạt	
499	2157040383	Lư Kim	Yến	4.5	4.0	3.5	6.0	4.5	Không đạt	
500	1954032446	Nguyễn Hồng	Yến	3.0	4.0	3.5	7.5	4.5	Không đạt	
501	2054032571	Võ Hoàng	Yến	7.0	4.5	8.5	5.0	6.5	Đạt	

Số Sinh viên dự thi : 449Số Sinh viên đạt chuẩn : 144

Số Sinh viên vắng thi : 52

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

TRƯỜNG PHÒNG
(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ TỔNG HỢP
(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Lê Thị Vũ Anh

Nguyễn Thanh Hải